



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngàytháng năm

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ

(Số:)

V/v Tư vấn thiết kế xây dựng công trình

DỰ ÁN :

ĐỊA ĐIỂM :

GÓI THẦU :

Giữa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỀN BÙ GIẢI TỎA

Và

.....

	Phê duyệt	Dự thảo
Chữ ký		
Họ và tên	Phạm Ngọc Lâm	Nguyễn Phương Hà
Chức vụ	Chủ tịch HĐQT	CV Pháp chế
Ngày	.../.../.....	.../.../.....

Phần 1

CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội khoá XI;
- Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ - CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn Nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình ; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009;
- Căn cứ Nghị định số 209/2004/ND-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng ; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004;
- Căn cứ thỏa thuận của các bên;

Phần 2

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày ... thángnăm 2011 tại Văn phòng Tổng Công ty CP Đèn bù Giải tỏa, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (viết tắt là CĐT - Bên A):

- Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÈN BÙ GIẢI TỎA**
- GCNĐKDN : 0305915241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 25/3/2011 (cấp lần đầu ngày 19/8/2008)
- Đại diện là : Ông **PHẠM NGỌC LÂM**
- Chức vụ : **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Địa chỉ : 271/7B An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM
- Điện thoại : 08.38306868 - Fax: 08.38306969
- Tài khoản : 6280201006762
- Tại : Ngân hàng NNo&PTNT Việt Nam - CN Đông Sài Gòn
- Mã số thuế : **0 3 0 5 9 1 5 2 4 1**

2. Đơn vị tư vấn thiết kế (Viết tắt là TVTK – Bên B)

- Tên giao dịch :
- GCNĐKDN :
- Đại diện là :
- Chức vụ :
- Địa chỉ :
- Điện thoại :Fax :
- Tài khoản :
- Tại :
- Mã số thuế :

Bên A, Bên B được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

CÁC BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1: HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

1.1. Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

1.1.1. Điều kiện riêng: Phụ lục số 01 [Tiến độ thực hiện công việc Tư vấn thiết kế];

1.1.2. Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản của Hợp đồng.

1.2. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu:

Nguyên tắc những tài liệu cấu thành nên hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì Hai Bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, Hai Bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất được qui định như sau (hoặc do Hai Bên tự thỏa thuận):

1.2.1. Điều kiện riêng : Phụ lục số 01 [Tiến độ thực hiện công việc Tư vấn thiết kế];

1.2.2. Các điều khoản và điều kiện và phụ lục trong hợp đồng này;

1.2.3. Các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản của Hợp đồng;

ĐIỀU 2: CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Các từ và cụm từ (*được định nghĩa và diễn giải*) sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho hợp đồng này, trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi diễn đạt rõ một ý nghĩa khác:

2.1. "Chủ đầu tư" là Tổng Công ty CP Đèn bù Giải tỏa (tên giao dịch của Bên A) như đã nói trong phần mở đầu và những người có quyền kế thừa hợp pháp của Bên A mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó ủy quyền.

2.2. "Đơn vị tư vấn thiết kế" là (Bên B) như được nêu ở phần mở đầu và những người kế thừa hợp pháp của Bên B mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó ủy quyền.

2.3. "Dự án" là dự án "....."

2.4. "Công trình" là toàn bộ công trình xây dựng thuộc Dự án

2.5. "Hạng mục công trình" là một công trình đơn lẻ được nêu trong hợp đồng .

2.6. "Đại diện Bên A" là ông Phạm Ngọc Lâm, người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng và điều hành công việc thay mặt cho Bên A.

2.7. "Đại diện của Bên B" là, người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng TVTK và điều hành công việc thay mặt Bên B.

2.8. "Hợp đồng" là hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng (theo qui định tại Khoản 1.1 [Hồ sơ hợp đồng]).

2.9. "Bên" là Bên A hoặc Bên B tùy theo ngữ cảnh.

2.10. "Ngày" trừ khi được qui định khác trong hợp đồng, "ngày" dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

2.11. "Bất khả kháng" được định nghĩa tại Điều 20 [Bất Khả kháng].

2.12. "Luật" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2.13. "Văn bản chấp thuận" là thể hiện sự chấp thuận chính thức của Bên A về bất kỳ ghi nhớ hoặc thỏa thuận nào giữa hai Bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- 2.14.** “Phụ lục hợp đồng” là những trang hoàn chỉnh nhằm làm rõ một hoặc nhiều nội dung trong hợp đồng, hoặc được bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng được gọi tên là Phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- 2.15.** “Công việc” được hiểu là các dịch vụ do Bên B thực hiện theo quy định tại Điều 6 [Nội dung công việc].

ĐIỀU 3: TRAO ĐỔI THÔNG TIN

- 3.1.** Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng;
- 3.2.** Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo;

ĐIỀU 4: LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG

- 4.1.** Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam;
- 4.2.** Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt;

ĐIỀU 5: MÔ TẢ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình:
- Địa chỉ:

Thông tin chung về dự án	Đơn vị	Theo thiết kế

ĐIỀU 6: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc liên quan đến công tác thiết kế cho toàn bộ Dự án “.....”, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- 6.1** Đề xuất nhiệm vụ khảo sát xây dựng phục vụ thiết kế.
- 6.2** Thiết kế ý tưởng;
- 6.3** Thiết kế cơ sở và tất cả các phần việc thiết kế liên quan đến các việc: Thẩm định thiết kế PCCC; thẩm định thiết kế cơ sở. Nội dung thiết kế cơ sở thực hiện theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính Phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và phải được Sở Xây dựng thẩm định và Chủ đầu tư phê duyệt;

- 6.4** Thiết kế kỹ thuật thi công (bao gồm cả phần thô, hoàn thiện, thiết kế điện – nước, ngoại thất, sân vườn... có liên quan đến công trình dự án);
- 6.5** Thiết kế bản vẽ thi công và cung cấp các hồ sơ liên quan để phục vụ cho việc thi công công trình của bên A;
- 6.6** Xác định vị trí tối ưu cho cầu tháp đảm bảo thi công xuyên suốt quá trình thực hiện dự án;
- 6.7** Thiết kế và cung cấp hồ sơ kỹ thuật phục vụ đấu thầu của dự án;
- 6.8** Cùng với bên A, tham gia giải trình, thuyết minh thiết kế với cơ quan phê duyệt hồ sơ thiết kế và hồ sơ dự án khi có yêu cầu;
- 6.9** Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn khi Bên A yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.
- 6.10** Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành công việc, hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư
- 6.11** Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- 6.12** Ngoài các khối lượng công việc quy định từ khoản 6.1 đến khoản 6.11 của Điều này, Bên B sẽ phải thực hiện việc thiết kế các hạng mục có liên quan và nằm trong khuôn viên dự án như: Công viên cây xanh, giao thông, điện chiếu sáng, hệ thống cung cấp nước;

ĐIỀU 7: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

7.1 Tiến độ thiết kế cho phạm vi công việc được nêu trong Điều 6 như sau:

Stt	Tên công việc	Thời hạn
1.	– Thiết kế ý tưởng – Thiết kế cơ sở	
2.	Thiết kế kỹ thuật	
3.	Thiết kế thi công phần thân	
4.	Dự toán dự án	

7.2 Thời gian thực hiện hợp đồng không bao gồm các thời gian xin phép từ cơ quan chức năng, không bao gồm thời gian Bên A phê duyệt. Trong trường hợp tạm ngưng công việc thiết kế do yêu cầu của Bên A thì Bên A sẽ thông báo bằng văn bản chính thức. Thời gian tạm ngưng này không tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 8: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

8.1 Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT) là: VNĐ

(Bằng chữ : chẵn)

– Trong đó:

- Giá trị phần thiết kế ý tưởng là:
- Giá trị phần thiết kế quy hoạch 1/500 là:
- Giá trị phần thiết kế cơ sở và lập dự dự án là:
- Giá trị phần thiết kế phần ngầm là:
- Giá trị phần thiết kế phần thân là:
- Giá trị phần thiết kế và cung cấp hồ sơ kỹ thuật phục vụ đấu thầu của dự án là: ... ;

- Giá trị phân giám sát tác giả là:.....

Giá trị hợp đồng nêu tại khoản 8.1 là giá trị trọn gói, không phát sinh cho phạm vi công việc được nêu trong Điều 6 (*trừ các trường hợp phát sinh qui định ở Điều 10*) kể từ ngày Bên B nhận được yêu cầu thực hiện công việc cho đến khi hoàn thành thiết kế;

8.2 Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các loại phí khác theo quy định hiện hành của nhà nước;

8.3 Hình thức hợp đồng: Khoán gọn toàn bộ khối lượng công việc thiết kế.

ĐIỀU 9: HÌNH THỨC VÀ TIẾN ĐỘ THANH TOÁN

9.1 Đồng tiền thanh toán : Đồng Việt Nam.

9.2 Hình thức thanh toán: chuyển khoản

9.3 Tạm ứng hợp đồng:

Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B, Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền là: đồng (*Bằng chữ:*), tương đương 15 % giá trị hợp đồng.

Hồ sơ đề nghị tạm ứng bao gồm:

- Công văn đề nghị tạm ứng;
- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng;
- Hồ sơ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;
- Quyết định điều động nhân sự thực hiện hợp đồng;
- Các chứng chỉ hành nghề của nhân sự chính tham gia thực hiện hợp đồng;

9.4 Tiến độ thanh toán:

Việc thanh toán được chia làm 5 (năm) đợt (không tính đợt tạm ứng) như sau:

Đợt 1	Sau khi Bên B gửi hồ sơ thiết kế cơ sở.	20% giá trị hợp đồng
Đợt 2	Sau khi bên B bàn giao hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công phần ngầm (bản vẽ và dự toán) hoàn chỉnh, hồ sơ đã được thẩm tra và được Bên A chấp thuận nghiệm thu.	10 % giá trị hợp đồng
Đợt 3	Sau khi Bên B bàn giao hoàn tất Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công Block B (bao gồm: kết cấu, kiến trúc, M.E.P, hạ tầng cơ sở và landscape) và tổng dự toán hoàn chỉnh để Bên A gửi đơn vị độc lập tiến hành thẩm tra thiết kế.	20% giá trị hợp đồng
Đợt 4	Sau khi Bên B hoàn tất hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công toàn bộ công trình, hồ sơ đã được thẩm tra và được Bên A chấp thuận nghiệm thu.	25% giá trị hợp đồng
Đợt 5 (đợt cuối)	Sau khi dự án được thi công hoàn tất và Bên B thực hiện đầy đủ trách nhiệm giám sát tác giả, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng (10% giá trị hợp đồng). Trường hợp Ngân hàng của Bên B phát hành chứng thư bảo lãnh tiền giám sát tác giả (10 % giá trị hợp đồng), thời hạn bảo lãnh tương ứng với thời gian thi công xây dựng toàn bộ dự án, dự trừ 36 tháng), thì Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ tiền giám sát tác giả trong vòng 10 ngày kể từ ngày toàn bộ hồ sơ dự toán, thiết kế do Bên B lập được Bên A nghiệm thu và Bên A nhận chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng.	10% giá trị hợp đồng

9.5 Hồ sơ thanh toán gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B, trong đó nêu rõ giá trị thanh toán giai đoạn theo hợp đồng: 03 bộ;
- Kết quả thẩm tra (tùy từng giai đoạn thanh toán);
- Biên bản bàn giao hồ sơ và biên bản nghiệm thu hồ sơ (tùy từng giai đoạn thanh toán) của đợt thanh toán được hai bên chấp thuận;
- Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của đợt thanh toán;
- Các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

9.6 Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

ĐIỀU 10: CHI PHÍ PHÁT SINH**10.1** Chi phí phát sinh được tính nếu công việc của Bên B gia tăng do những sửa đổi lớn theo hướng dẫn của Bên A hoặc thay đổi theo yêu cầu của Bên A cho các trường hợp sau:

- Thay đổi vị trí xây dựng Dự án;
- Sửa đổi lớn về thiết kế sau khi đã được Bên A hoặc các cấp có thẩm quyền phê duyệt (*Sửa đổi lớn là sửa đổi mà việc thiết kế lại vượt quá 20% hệ chịu lực chính của toàn bộ công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*).

10.2 Nếu những trường hợp trên phát sinh hoặc có xu hướng phát sinh, Bên B sẽ thông báo cho Bên A trước khi thực hiện công việc. Không có chi phí phát sinh nào được thanh toán trừ khi được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành công việc.**10.3** Chi phí phát sinh sẽ được thỏa thuận và thanh toán giữa Bên A và Bên B. Việc tính toán chi phí phát sinh sẽ căn cứ trên cơ sở tính toán Giá hợp đồng và được lập thành một Phụ lục Hợp đồng để làm cơ sở để Bên A thanh toán cho Bên B và được xem như một phần không thể tách rời của Hợp đồng.**ĐIỀU 11: BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG****11.1.** Bên B phải nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tương đương 10% (mười phần trăm) giá trị hợp đồng;**11.2.** Bên B sẽ không được nhận lại đảm bảo thực hiện hợp đồng trong trường hợp bên B từ chối thực hiện hợp đồng đã ký kết;**11.3.** Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả lại cho bên B khi đã hoàn thành công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.**ĐIỀU 12: KẾT QUẢ VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC****12.1** Bên B phải thực hiện phạm vi công việc đáp ứng được yêu cầu của Bên A, tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành khác.**12.2** Nội dung và chất lượng công việc thiết kế đảm bảo tuân thủ đúng yêu cầu hợp đồng, qui định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009; Nghị định 209/2004/ND-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về

việc quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004.

12.3 Yêu cầu về chất lượng:

- Sản phẩm của Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, quy trình bảo trì công trình.
- Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm có các nội dung tính toán và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm tra các số liệu và làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với hồ sơ yêu cầu của Bên A đã đặt ra.
- Bản vẽ phải thể hiện chi tiết các bộ phận của công trình, các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để thi công và lập dự toán xây dựng công trình.
- Dự toán xây dựng công trình phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.
- Bên B phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.
- Bên B không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

12.4 Sản phẩm bàn giao cho Bên A:

- Hồ sơ thiết kế ý tưởng hoàn chỉnh được phê duyệt bởi các bên liên quan: 08 bộ
- Hồ sơ lập dự án (thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư, thuyết minh dự án) : 08 bộ.
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán : 08 bộ.
- 02 đĩa CD ghi nội dung hồ sơ thiết kế, thuyết minh thiết kế, dự toán. *(dữ liệu được cung cấp cho Bên A là file mềm acad và excel bản gốc)*

ĐIỀU 13: NGHIỆM THU SẢN PHẨM

13.1 Căn cứ nghiệm thu sản phẩm:

- Hợp đồng giao nhận thiết kế;
- Nhiệm vụ thiết kế, thiết kế các bước đã được phê duyệt;
- Hồ sơ thiết kế bao gồm thuyết minh, bản vẽ thiết kế và dự toán xây dựng công trình;

13.2 Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 5 lần.

- Lần 1: Sau khi bên B hoàn thành thiết kế ý tưởng;
- Lần 2: Sau khi bên B hoàn thành thiết kế cơ sở được cơ quan có thẩm quyền đồng ý phê duyệt và thẩm định;
- Lần 3: Sau khi bên B hoàn thành thiết kế kỹ thuật thi công phần ngầm *(Từ cốt 0,000*

trở xuống)

- Lần 4: Sau khi bên B hoàn thành thiết kế kỹ thuật thi công phần thân (*Từ cốt 0,000 trở lên*)
- Lần 5: Sau khi bên B bàn giao đủ hồ sơ và bên A nhận đủ hồ sơ, bên A căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm. Những sai sót trong sản phẩm bên B phải kịp thời điều chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp Đồng;

ĐIỀU 14: GIÁM SÁT TÁC GIẢ

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

- 14.1** Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của Bên A, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu giám sát thi công xây dựng;
- 14.2** Phối hợp với Bên A khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình và với yêu cầu của chủ đầu tư khi cần thiết;
- 14.3** Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, Bên B phải ghi nhận ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên A.
- 14.4** Tham gia nghiệm công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn xây dựng, hạng mục công trình và công trình khi có yêu cầu của Bên A.
- 14.5** Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì nhà thầu phải có văn bản gửi Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.
- 14.6** Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu, Bên B có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị tư vấn khác và Bên A để điều chỉnh thiết kế.

ĐIỀU 15: NHÂN LỰC CỦA BÊN B:

- 15.1** Bên B phải cử người có đủ năng lực để làm đại diện và điều hành công việc thay mặt cho Bên B.
- 15.2** Nhân lực chủ trì thiết kế của Bên B phải có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp, tương xứng về nghề nghiệp được Bên A chấp thuận.
- 15.3** Nhân lực chính của Bên B phải thực hiện các công việc được giao trong khoảng thời gian cần thiết để đạt được tiến độ của dự án. Bên B không được thay đổi bất kỳ nhân lực chính nào của mình khi chưa được sự chấp thuận trước của Bên A;
- 15.4** Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất kỳ nhân lực nào nếu người đó được cho là không đủ năng lực, thiếu sự cẩn trọng trong công việc;
- 15.5** Trước khi thay đổi nhân sự, Bên B phải có văn bản đề nghị với Bên A trước 07 ngày để Bên A xem xét chấp thuận. Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế.
- 15.6** Nhân lực của Bên B được hưởng các chế độ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động của Việt Nam và chi phí cho các chế độ này do Bên B chi trả.

ĐIỀU 16: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA BÊN B CHO BÊN A

- 16.1** Bên B có trách nhiệm báo cáo với Bên A tiến độ thiết kế công trình theo phạm vi công việc của các bên được quy định tại Điều 6 của hợp đồng này;
- 16.2** Hợp và báo cáo hàng tuần của Bên B, nội dung gồm các công việc đã hoàn thành trong tuần và dự kiến các công việc tiếp theo cùng các biện pháp thực hiện trong tuần kế tiếp;
- 16.3** Báo cáo hàng tháng của Bên B;
- 16.4** Trong trường hợp xảy ra tình huống khẩn cấp, Bên B báo cáo ngay với Bên A bằng điện thoại, fax hoặc email theo thông tin được quy định trong hợp đồng để kịp thời xử lý.

ĐIỀU 17: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 17.1** Bên A được quyền sở hữu và sử dụng các sản phẩm tư vấn theo hợp đồng;
- 17.2** Được quyền không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng;
- 17.3** Giám sát, kiểm tra, đơn đốc Bên B thực hiện công việc theo hợp đồng; đưa ra ý kiến, yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn nếu thấy cần thiết trong phạm vi hợp đồng. Tuy nhiên việc kiểm tra, đơn đốc của Bên A không làm giảm trách nhiệm Bên B theo hợp đồng.
- 17.4** Xử lý kịp thời những đề xuất hoặc kiến nghị của Bên B;
- 17.5** Phê duyệt kịp thời thiết kế và các đề xuất thay đổi thiết kế (nếu có); thời gian chờ đợi phê duyệt thiết kế và các đề xuất không được tính vào thời gian triển khai hợp đồng của Bên B.
- 17.6** Nghiệm thu, thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng tiến độ quy định tại Điều 9 của hợp đồng này;
- 17.7** Điều phối sự kết hợp giữa Các Bên liên quan đến việc thực hiện công trình;
- 17.8** Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để Bên B hoàn thành nội dung công việc của hợp đồng;

ĐIỀU 18: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 18.1** Bên B mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật. Bên B phải trình cho Bên A các bản sao chứng từ bảo hiểm trước khi thực hiện công việc theo hợp đồng và phải bảo đảm hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm này liên tục trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng này;
- 18.2** Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải cập nhật và nộp cho Bên A một lịch trình hay kế hoạch tiến độ cụ thể, chi tiết và toàn diện cho việc thực hiện công việc để đáp ứng tiến độ của hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải liên tục cập nhật và điều chỉnh kế hoạch này để đảm bảo tiến độ cuối cùng. Trong trường hợp bị chậm tiến độ, Bên B phải thực hiện ngay các biện pháp, quy trình, thủ tục cần thiết để quản lý giám sát và đẩy nhanh tiến độ để đạt được tiến độ hợp đồng;
- 18.3** Triển khai thực hiện công việc ngay lập tức ngay sau khi Hợp đồng có hiệu lực theo đúng tiến độ hợp đồng;
- 18.4** Có trách nhiệm hoàn thành công việc đúng tiến độ và nộp cho Bên A các sản phẩm tư vấn đúng số lượng và thời gian quy định. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả

- các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành công việc theo hợp đồng và đề xuất giải pháp thực hiện;
- 18.5** Bên B không được chuyển nhượng hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khác. Nếu Bên A phát hiện Bên B thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện hợp đồng, Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng và không phải thanh toán bất kỳ khoản chi phí thực hiện dở dang nào cho Bên B;
- 18.6** Bên B không được ký hợp đồng thầu phụ để thực hiện bất kỳ một phần nào của hợp đồng mà không có sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Bất kỳ những văn bản chấp thuận nào của Bên A cũng không miễn trừ cho Bên B trách nhiệm pháp lý hay nghĩa vụ theo hợp đồng. Bên B phải chịu trách nhiệm cho những hậu quả được gây ra bởi hành vi, lỗi lầm, lơ là, thiếu kinh nghiệm của bất kỳ nhà thầu phụ nào, đại lý, nhân viên của mình trong quá trình thực hiện công việc;
- 18.7** Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A khi thấy bất cứ thông tin nào do Bên A cung cấp là không đủ hoặc không chính xác để Bên B thực hiện công việc và thực hiện các sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh (nếu cần) cho việc thực hiện công việc;
- 18.8** Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B phải đảm bảo bố trí đủ số cán bộ có trình độ, năng lực, kinh nghiệm theo Quyết định điều động nhân sự đã gởi cho Bên A;
- 18.9** Bên B cam kết cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc vướng mắc tại bất kỳ thời điểm do Bên A ấn định (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao thiết kế; Bên B chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về mọi hoạt động do nhân lực của mình thực hiện;
- 18.10** Tham dự tất cả các buổi họp với đơn vị thẩm tra hoặc với cơ quan phê duyệt hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Bên A;
- 18.11** Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của Bên A;
- 18.12** Trình bày, bảo vệ hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán với bên A, cơ quan thẩm định và cấp thẩm quyền phê duyệt
- 18.13** Chịu toàn bộ trách nhiệm về nội dung, số liệu và chất lượng của hồ sơ. Bên B đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với yêu cầu của Bên A và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các qui định của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 18.14** Thực hiện và chịu toàn bộ trách nhiệm đối với chất lượng của các sản phẩm tư vấn. Sản phẩm tư vấn phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo quy định pháp luật hiện hành thực hiện, mang lại hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu của Bên A để hoàn thành Dự án;
- 18.15** Bên B cam kết bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của Bên A trong suốt quá trình thực hiện các công việc của mình theo hợp đồng;
- 18.16** Bên B có trách nhiệm cử người có đủ chuyên môn cùng với Bên A chứng minh, bảo vệ sự chính xác đầy đủ của các tài liệu liên quan đến chất lượng thiết kế công trình trước các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng này;
- 18.17** Bên B tư vấn và thực hiện một cách chuyên nghiệp các công việc được đề cập đến trong hợp đồng này bằng tất cả các kỹ năng phù hợp, sự thận trọng, sự chuyên cần và thích ứng với các yêu cầu của Bên A để hoàn thành công trình, hạng mục công trình,

gói thầu. Bên B luôn luôn báo cáo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc thiết kế theo hợp đồng này cho Bên A;

- 18.18** Bên B phải thực hiện công việc được quy định trong hợp đồng với tất cả chuyên môn và kinh nghiệm của mình để đảm bảo về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và về mặt hiệu quả kinh tế nhất cho chủ đầu tư. Trong trường hợp hồ sơ thiết kế đã được ban hành nhưng có ý kiến đóng góp của Bên A hoặc đơn vị thứ ba khác đảm bảo hoàn thiện hơn cho hồ sơ thiết kế thì Bên B phải chịu trách nhiệm tiếp thu và điều chỉnh phù hợp theo ý kiến đó.
- 18.19** Bên B tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình;
- 18.20** Chấp hành các quy định về an toàn lao động, môi trường và nội quy công trường trong quá trình thực hiện việc giám sát tác giả.
- 18.21** Trong quá trình triển khai thi công, nếu có sự thay đổi hoặc phát sinh tăng, giảm do lỗi thiết kế, Bên B phải có trách nhiệm lập hồ sơ giúp bên A trình duyệt bổ sung.
- 18.22** Bên B phải có trách nhiệm hiệu chỉnh các lỗi, sai sót, thiếu hụt ... , hoàn chỉnh hồ sơ khảo sát thiết kế chậm nhất là 20 ngày theo đúng tiến độ quy định cho từng loại hồ sơ kể từ ngày nhận được ý kiến, báo cáo thẩm tra của Đơn vị tư vấn thẩm tra hoặc của Bên A. Nếu quá thời hạn trên Bên B không thực hiện, Bên B sẽ vi phạm hợp đồng và sẽ bị phạt theo quy định tại Điều 21 của hợp đồng này.
- 18.23** Bên B phải có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế cơ sở để trình Sở Xây Dựng thẩm định. Trong trường hợp có yêu cầu bổ sung chỉnh sửa hồ sơ thiết kế cơ sở (do lỗi của Bên B) thì Bên B phải có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế cơ sở trong vòng 7 ngày kể từ ngày có ý kiến của Sở Xây Dựng; việc điều chỉnh của Bên B không được quá 3 lần, nếu quá 3 lần mà vẫn chưa được Sở Xây Dựng thẩm định đạt yêu cầu thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Bên B hoàn trả số tiền đã nhận và chịu phạt theo quy định.
- 18.24** Bên B phải điều chỉnh thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán của mình cho phù hợp với tình hình thực tế, có hiệu quả về mỹ thuật, kỹ thuật và kinh tế hoặc những thiếu sót trong quá trình thiết kế mà không đòi hỏi chi phí nào từ Bên A;
- 18.25** Các chuyên gia được phân công thực hiện nội dung công việc, Bên B không được thay đổi trong quá trình thực hiện, trừ trường hợp ốm đau không thể làm việc hoặc do yêu cầu của Bên A thì Bên B có thể thay đổi chuyên gia nhưng phải báo cáo cho Bên A biết và phải chứng minh chuyên gia mới phải có năng lực trình độ chuyên môn tương đương hoặc hơn chuyên gia cũ.
- 18.26** Bên B phải cam kết rằng tất cả các số liệu do Bên B cung cấp là chính xác, rõ ràng, khách quan và trung thực. Trong trường hợp phát hiện Bên B vi phạm, Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng mà không phải giải trình bất kỳ lý do nào.
- 18.27** Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng và đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy định hiện hành, theo các chỉ tiêu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo các yêu cầu của bên A.
- 18.28** Trong trường hợp cần phải cung cấp nguyên vật liệu, mẫu, chất liệu, ... để cho Bên B có cơ sở thiết kế, thì Bên B phải đảm bảo các mẫu nguyên vật liệu, chất liệu, vật tư,... đó đã được bên A hoặc một đơn vị khác do bên A chỉ định thông qua.

18.29 Phối hợp chặt chẽ với bên A để tạo điều kiện thuận lợi hoàn thành nội dung công việc của hợp đồng đúng tiến độ sớm nhất.

18.30 Tư vấn và cung cấp cho Bên A những hồ sơ thiết kế kỹ thuật liên quan đến việc thi công các hạng mục liên quan đến việc giới thiệu dự án nhằm phục vụ mục đích của Bên A.

ĐIỀU 19: TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

19.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

19.1.1 Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Bên B không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ thực hiện công việc theo Hợp Đồng;
- Bên A không thanh toán cho Bên B quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Điều 9 của Hợp Đồng này;
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

19.1.2 Một Bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản trước 07 ngày. Hai Bên phải cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng; Trường hợp Bên kia tạm ngưng hợp đồng mà không thông báo, gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên Bị thiệt hại;

19.1.3 Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm ngưng hợp đồng theo thỏa thuận sẽ được hai Bên thỏa thuận để khắc phục.

19.2 Chấm dứt Hợp đồng:

19.2.1 Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A:

- Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Bên A, bằng cách thông báo cho Bên B về việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày mà Bên B nhận được thông báo của Bên A.
- Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:
 - a) Bên B không tuân thủ về Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 11.
 - b) Bên B không sửa chữa được sai sót trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.
 - c) Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
 - d) Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận;
 - e) Chậm tiến độ quá 30 (*ba mươi*) ngày so với quy định;
 - f) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A;
 - g) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có

hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

- h) Sự kiện bất khả kháng vượt quá 30 ngày mà không thể khắc phục được.
- Nếu có ở một trong những trường hợp này, Bên A có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 10 ngày về việc chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp f) và g) Bên A có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.
 - Việc Bên A chấm dứt Hợp đồng theo các trường hợp trên sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp đồng.
 - Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể tiếp tục hoàn thành công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Bên A và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào của Bên B hoặc do đại diện Bên B thực hiện theo hợp đồng.

19.2.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B:

- Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 30 ngày trong các trường hợp quy định dưới đây:
 - a) Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn cho Bên B theo hợp đồng này mà không có lý do chính đáng trong vòng 15 ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về những khoản thanh toán đã bị quá hạn;
 - b) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó. Trong trường hợp này, Bên B có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức;
 - c) Sự kiện bất khả kháng vượt quá 30 ngày mà không thể khắc phục được;
- Việc Bên B chấm dứt Hợp đồng theo các trường hợp trên sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên B theo Hợp đồng.

19.3 Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng

- 19.3.1 Bên B phải chuyển các tài liệu mà mình đã thực hiện được tại thời điểm chấm dứt hợp đồng cho Bên A.
- 19.3.2 Sau khi chấm dứt hợp đồng Bên A có thể tiếp tục thực hiện công việc hoặc sắp đặt cho đơn vị khác thực hiện. Bên A và đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào của Bên B đã được thực hiện hoặc đại diện Bên B thực hiện.
- 19.3.3 Sớm nhất có thể sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng và không muộn hơn 30 ngày sau đó, Bên A và Bên B sẽ thảo luận và xác định giá trị của công việc và các tài liệu của Bên B đã thực hiện theo hợp đồng (Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt). Trong vòng 30 ngày sau khi xác định Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền này.

ĐIỀU 20: BẤT KHẢ KHÁNG

- 20.1** “Sự kiện bất khả kháng” có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây làm cho bất kỳ Bên nào hoặc Ba Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này

như: bạo loạn, chiến tranh, bạo động, đình công, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác.

- 20.2** Không Bên nào phải chịu trách nhiệm trước Bên kia về bất kỳ thiệt hại, thương tật, chậm trễ, thiệt hại mà Bên kia đã phải gánh chịu do “Sự kiện bất khả kháng” và việc không thực hiện hoặc chậm trễ của bất kỳ Bên nào trong việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình do “Sự kiện bất khả kháng” sẽ không bị xem là vi phạm hợp đồng này.
- 20.3** Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra thì Bên tuyên bố “sự kiện bất khả kháng” phải nhanh chóng gửi thông báo bằng văn bản đến Bên còn lại, việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của Ba Bên sẽ bị hoãn lại trong trường hợp này. Tuy nhiên, Bên tuyên bố sự kiện bất khả kháng phải nỗ lực thực hiện để rút ngắn thời gian trì hoãn hoặc vi phạm.
- 20.4** Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng cản trở việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày liên tục, thì Ba Bên đồng ý cùng bàn bạc giải quyết theo hướng có lợi nhất cho Ba Bên và theo qui định của pháp luật, thời hạn để Ba Bên thương lượng giải quyết là 14 (*mười bốn*) ngày làm việc. Nếu hết thời hạn thương lượng nêu trên mà Ba Bên vẫn chưa giải quyết được, thì Bên nhận tuyên bố sự kiện bất khả kháng có quyền hủy bỏ hợp đồng.

ĐIỀU 21: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

21.1. Tiến độ và các sai sót của Hồ sơ:

- Trường hợp Bên B thực hiện công việc chậm trễ so với tiến quy định thì Bên B phải chịu phạt 0.1% giá trị hợp đồng/ngày;
- Trong trường hợp Bên B kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng quá 30 ngày mà không có lý do chính đáng (*được Bên A chấp thuận bằng văn bản*), Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Bên B bồi thường cho Bên A các chi phí phát sinh (*bao gồm cả chi phí Bên A thuê đơn vị khác thực hiện tiếp phần việc còn dở dang tại thời điểm chấm dứt hợp đồng*) và chịu phạt 12% giá trị hợp đồng;
- Trong trường hợp bên B vì thiếu sót trong quá trình thiết kế dẫn đến việc thiết kế sai kỹ thuật không đúng theo tiêu chuẩn quy định buộc bên A phải tháo dỡ, đập phá khối lượng công việc đã thi công; mọi thiệt hại về trường hợp này bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

21.2. Phạt thanh toán chậm trễ:

- Nếu bên A không thanh toán đúng thời hạn cho Bên B mà không có lý do chính đáng thì Bên A sẽ bị phạt 0.1% giá trị hợp đồng/ngày.

21.3. Phạt đơn phương chấm dứt hợp đồng trái với các qui định hợp đồng:

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trái với các qui định trong hợp đồng này thì sẽ chịu phạt 100% giá trị hợp đồng, đồng thời bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra cho bên kia (nếu có).

ĐIỀU 22: BẢN QUYỀN VÀ QUYỀN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

- 22.1** Bên B sẽ giữ bản quyền tất cả tài liệu báo cáo và các tài liệu khác được thực hiện bởi các nhân viên của Bên B. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này, sao chụp để phục vụ công việc mà không cần phải xin phép Bên B.

- 22.2 Bên B phải cam kết rằng các tài liệu thiết kế và các tài liệu khác do Bên B lập và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên thứ ba nào.
- 22.3 Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả từ việc khiếu nại rằng bất cứ tài liệu báo cáo hoặc các tài liệu khác theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay Bên thứ ba nào khác.

ĐIỀU 23: VIỆC BẢO MẬT

Ngoại trừ những nhiệm vụ được Bên A yêu cầu, Bên B không được phép tiết lộ cho bất kỳ Bên thứ ba nào về công việc của mình hoặc bất cứ thông tin nào liên quan đến Dự án, Công trình, Hạng mục công trình do Bên B thực hiện theo hợp đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

ĐIỀU 24: QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

24.1 Quyết toán Hợp đồng

- Trong vòng 07 (*bảy*) ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho chủ đầu tư 08 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:
 - a. Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
 - b. Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (*nếu có*).
 - c. Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.
- Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.
- Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

24.2 Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 14 (*mười bốn*) ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19.2 của hợp đồng này.

24.1 Sau khi quyết toán hợp đồng đã được ký kết bởi Các Bên, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ vấn đề gì liên quan đến hợp đồng.

ĐIỀU 25: CAM KẾT VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

- 25.1 Có đầy đủ điều kiện, năng lực, pháp lý để ký kết và thực hiện nội dung, khối lượng công việc của hợp đồng này.
- 25.2 Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm được quy định trong hợp đồng này.
- 25.3 Hỗ trợ và tạo điều kiện tốt cho nhau để thực hiện trách nhiệm của mình một cách có hiệu quả.
- 25.4 Mỗi Bên sẽ bảo mật bất kỳ và mọi thông tin mà mình có được liên quan đến Hợp Đồng này và sẽ không tiết lộ hoặc công bố thông tin đó cho bất kỳ Bên khác ngoài

các Bên nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của các Bên còn lại. Quy định này vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với Ba Bên kể cả sau khi hợp đồng này đã được kết thúc, chấm dứt và thanh lý.

- 25.5 Các Bên cam kết rằng bất kỳ Bên nào vi phạm các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên kia theo quy định của pháp luật và hợp đồng này.
- 25.6 Nội dung thực hiện hợp đồng này độc lập hoàn toàn với bất kỳ công nợ và nghĩa vụ nào của các Bên.
- 25.7 Các Bên cam kết không được tự ý hủy ngang hợp đồng này, Bên nào tự ý hủy ngang hợp đồng này thì phải chịu phạt cho Bên còn lại theo như quy định tại Điều 21 của hợp đồng này.

ĐIỀU 26: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 26.1 Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này trước tiên sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải và đảm bảo quyền lợi hợp pháp giữa các Bên.
- 26.2 Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, vụ việc sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân quận 1.
- 26.3 Luật pháp Việt Nam hiện hành là cơ sở để giải quyết mọi tranh chấp của hợp đồng này nếu có;
- 26.4 Trong thời gian có mâu thuẫn hoặc có tranh chấp đang được giải quyết thì các Bên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này, ngoại trừ vấn đề đang bị tranh chấp.

ĐIỀU 27: THOA THUẬN CHUNG

- 27.1 Bên A được quyền chỉ định đơn vị thẩm tra độc lập để kiểm tra công việc thiết kế của Bên B theo nội dung và phạm vi công việc được nêu tại Điều 6 của hợp đồng này và Bên B phải hợp tác với đơn vị này nhằm đạt hiệu quả công việc tốt nhất.
- 27.2 Bất kỳ thông báo hoặc tài liệu giao dịch nào theo hợp đồng này phải được lập thành văn bản.
- 27.3 Trường hợp mỗi Bên có sự chia, tách, sáp nhập hay bất kỳ thay đổi nào khác có liên quan đến quyền sở hữu, quản lý, điều hành của mỗi Bên thì các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng này không bị chi phối, hợp đồng này vẫn có giá trị thực hiện cho (các) Bên kế thừa.
- 27.4 Những vấn đề có liên quan chưa được điều chỉnh bởi Hợp đồng này thì sẽ áp dụng các quy định hiện hành của pháp luật.
- 27.5 Mỗi yêu cầu chỉnh sửa, thay đổi và giao nhận hồ sơ của các Bên phải thực hiện bằng văn bản có xác nhận của Bên A thì mới có giá trị thực hiện.
- 27.6 Hai Bên cam kết tuân thủ các điều khoản đã quy định tại hợp đồng, không Bên nào được quyền vi phạm hợp đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh những vấn đề khó khăn vướng mắc, Các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thảo luận giải quyết trên tinh thần hợp tác.

27.7 Hợp đồng này được lập thành 10 (mười) bản; có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 04 (bốn) bản. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN A

BÊN B